

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hà Nội - Tháng 03 năm 2014

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013.

Vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi bốn tỷ đồng chẵn)

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ha Bac Hung Phat Chemical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HPCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và mua bán H₂O₂, phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước, liên danh, liên kết với các công ty chứng khoán. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình xây dựng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng. Liên danh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Tổng Luận		Chủ tịch HĐQT (Bầu ngày 26/04/2012 và NQ ngày 21/05/2013)
Ông Nguyễn Xuân Bắc		Ủy viên (Bầu ngày 21/05/2013)
Ông Doãn Hồng Hiển		Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21/05/2013)
Bà Phạm Thị Hoa		Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 21/05/2013)
Ông Nguyễn Đức Ninh		Ủy viên (Bầu ngày 26/04/2012 và NQ ngày 21/05/2013)
Ông Nguyễn Thọ Anh		Ủy viên (Bầu ngày 26/04/2012 và miễn nhiệm ngày 21/05/2013)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC

Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Ban Giám đốc	Ông Trần Văn Quế	Ủy viên (Bầu ngày 21/05/2013)
	Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên (Bầu ngày 21/05/2013)
	Ông Trương Sỹ Bá	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2012)
	Ông Nguyễn Xuân Bắc	Bổ nhiệm từ ngày 01/06/2013
	Ông Doãn Hồng Hiền	Nghỉ hưu từ ngày 31/05/2013
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
	Ông Hà Xuân Hán	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm 21/05/2013)
	Ông Mai Văn Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21/05/2013)
	Ông Trần Văn Quế	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 21/05/2013)
	Ông Đoàn Như Thương	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm 21/05/2013)
	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 21/05/2013)
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 21/05/2013)	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA- IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty và tiếp tục nguyện vọng kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Cam kết khác:

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty niêm yết theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Xuân Bắc
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc, được lập ngày 03 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Lại Văn Hùng

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0907-2013-146-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.272.136.044	22.018.385.134
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	20.031.034.319	9.640.306.056
1. Tiền	111		4.031.034.319	9.640.306.056
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.678.078.805	9.919.402.425
1. Phải thu khách hàng	131		3.045.306.605	221.430.266
2. Trả trước cho người bán	132		458.425.200	9.563.786.504
3. Các khoản phải thu khác	135	4	174.347.000	134.185.655
III- Hàng tồn kho	140	5	4.251.473.952	1.956.054.687
1. Hàng tồn kho	141		4.251.473.952	1.956.054.687
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		311.548.968	502.621.966
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		79.838.968	350.928.966
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		231.710.000	151.693.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.599.287.540	193.033.628.911
I- Tài sản cố định	220		194.784.449.492	193.033.628.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	194.784.449.492	2.356.425.800
- Nguyên giá	222		202.125.939.553	2.903.016.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.341.490.061)	(546.590.608)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	-	190.677.203.111
II- Tài sản dài hạn khác	260		8.814.838.048	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	8.814.838.048	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN □	270		231.871.423.584	215.052.014.045

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		148.269.052.897	162.203.015.721
I- Nợ ngắn hạn	310		32.758.911.292	62.277.049.095
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	17.883.647.661	41.004.508.755
2. Phải trả người bán	312		11.949.227.726	15.123.485.983
3. Người mua trả tiền trước	313		106.675.140	704.117.945
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	19.912.809	317.469.452
5. Phải trả người lao động	315		1.059.057.617	663.018.681
6. Chi phí phải trả	316	11	427.805.607	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	12	1.148.047.537	3.865.598.084
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		164.537.195	598.850.195
II- Nợ dài hạn	330		115.510.141.605	99.925.966.626
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	115.510.141.605	99.925.966.626
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.602.370.687	52.848.998.324
I- Vốn chủ sở hữu	410	14	83.602.370.687	52.848.998.324
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		84.000.000.000	56.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(8.730.922.814)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.125.950.000	4.086.623.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.375.316.000	1.362.207.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.898.895.313)	131.091.138
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN □	440		231.871.423.584	215.052.014.045



Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	61.136.319.652	33.043.960.059
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	61.136.319.652	33.043.960.059
4. Giá vốn hàng bán	11	17	54.210.052.218	32.777.469.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.926.267.434	266.490.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	115.821.672	130.859.047
7. Chi phí tài chính	22	19	7.672.074.607	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.687.279.157	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.930.148.132	89.511.269
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.156.632.581	134.029.844
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.716.766.214)	173.808.362
11. Thu nhập khác	31		100.000	123.000
12. Chi phí khác	32		182.229.099	222.235
13. Lợi nhuận khác	40		(182.129.099)	(99.235)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.898.895.313)	173.709.127
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	42.617.989
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.898.895.313)	131.091.138
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(984)	23



Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(5.898.895.313)	173.709.127
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.794.899.453	280.367.301
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	979.426.450	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.848.400.228	(130.859.047)
- Chi phí lãi vay	06	6.687.279.157	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.411.109.975	323.217.381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.432.396.618	40.751.938.255
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.295.419.265)	2.031.100.704
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.516.656.327)	(20.435.529.734)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8.814.838.048)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.349.735.989)	(12.594.559.006)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(42.617.989)	(352.145.258)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	8.815.838.048	3.767.822.970
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(460.531.000)	(8.516.576.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.820.453.977)	4.975.269.013
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(2.393.893.579)	(25.221.617.619)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(4.950.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		8.450.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	115.821.672	130.859.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.278.071.907)	(21.590.758.572)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	28.000.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.498.425.807	56.411.060.012
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(66.035.111.922)	(34.067.011.325)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.974.059.738)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.489.254.147	22.344.048.687
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.390.728.263	5.728.559.128
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.640.306.056	3.911.746.928
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.031.034.319	9.640.306.056



Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013..

Vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi bốn tỷ đồng).

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ha Bac Hung Phat Chemical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HPCO.

Trụ sở chính của Công ty tại : Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và mua bán H₂O₂, phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước, liên danh, liên kết với các công ty chứng khoán. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình xây dựng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng. Liên danh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Như đã trình bày tại phần thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Dự án “*Dự án Công trình dây chuyền sản xuất nước Oxy gia công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%*” đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện nay Công ty đang lập hồ sơ quyết toán, theo đó nguyên giá được phản ánh trong báo cáo tài chính kèm theo là Nguyên giá tạm tính với số tiền là 199.175.723.145 đồng và thời gian khấu hao ước tính là 15 năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
◆ Nhà cửa vật kiến trúc	◆ 6 - 25
◆ Máy móc thiết bị	◆ 7- 15
◆ Dụng cụ quản lý	◆ 3 - 8

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty được ghi nhận trên cơ sở kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện hành sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và các khoản lợi nhuận còn lại của các năm trước chưa được phân phối hết.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)**Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	98.878.114	121.034.329
Tiền gửi ngân hàng	3.932.156.205	9.519.271.727
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	-
Cộng	20.031.034.319	9.640.306.056

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Phải thu CQ BHXH tiền chế độ NLD</i>	<i>18.968.836</i>	<i>30.559.190</i>
<i>Thuế GTGT nhà thầu</i>	<i>86.355.602</i>	<i>86.355.602</i>
<i>Các đối tượng khác</i> □	<i>69.022.562</i>	<i>17.270.863</i>
Cộng	174.347.000	134.185.655

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.134.909.394	1.956.054.687
Công cụ, dụng cụ	11.781.000	-
Thành phẩm	2.104.783.558	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.251.473.952	1.956.054.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.251.473.952	1.956.054.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	2.699.380.044	-	150.000.000	53.636.364	2.903.016.408
Tăng trong kỳ	28.643.320.621	170.579.602.524	-	-	199.222.923.145
Mua trong kỳ	47.200.000				47.200.000
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	28.596.120.621	170.579.602.524			199.175.723.145
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	31.342.700.665	170.579.602.524	150.000.000	53.636.364	202.125.939.553
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	386.161.315	-	150.000.000	10.429.293	546.590.608
Tăng trong kỳ	1.106.077.332	5.670.943.333	-	17.878.788	6.794.899.453
Khấu hao trong kỳ	1.106.077.332	5.670.943.333		17.878.788	6.794.899.453
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	1.492.238.647	5.670.943.333	150.000.000	28.308.081	7.341.490.061
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	2.313.218.729	-	-	43.207.071	2.356.425.800
Tại 31/12/2013	29.850.462.018	164.908.659.191	-	25.328.283	194.784.449.492

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 150.000.000

(*) Dự án “Dự án Công trình dây chuyền sản xuất nước Oxy gia công suất 10.000 tấn/ năm, nồng độ 50%” đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện nay Công ty đang lập hồ sơ quyết toán, theo đó nguyên giá được phản ánh trong báo cáo tài chính kèm theo là Nguyên giá tạm tính với số tiền là 199.175.723.145 đồng.

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án Công trình dây chuyền sản xuất nước Oxy gia công suất 10.000 tấn/ năm, nồng độ 50%	-	190.677.203.111
Cộng	-	190.677.203.111

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết theo đối tượng	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá sau đầu tư	8.814.838.048	-
Cộng	8.814.838.048	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

9. VAY VÀ NỢ VAY NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn (*)		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang	6.706.875.000	8.755.247.488
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang	7.789.976.661	9.679.242.095
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.386.796.000	22.570.019.172
Cộng	17.883.647.661	41.004.508.755

(*) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang; thời hạn vay cho các khế ước nhận nợ là từ 4 tháng, lãi suất bình quân năm từ 9,5% đến 12% năm, mục đích bổ sung vốn lưu động. Cho vay có tài sản đảm bảo.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	271.725.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	42.617.989
Thuế thu nhập cá nhân	19.912.809	3.126.102
Cộng	19.912.809	317.469.452

Quyết toán thuế của Đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày ở trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí lãi vay phải trả	161.997.607	
Khác	265.808.000	-
Cộng	427.805.607	-

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	69.142.007	60.146.477
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.600.000	1.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.077.305.530	3.804.451.607
Cổ tức phải trả	581.592.280	3.450.777.742
Chi phí chạy thử chờ quyết toán	218.870.668	218.870.668
Tạm nhập kho nguyên vật liệu	121.156.671	75.412.846
Khác	155.685.911	59.390.351
Cộng	1.148.047.537	3.865.598.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng	115.510.141.605	99.925.966.626
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Giang (a)	54.691.054.644	50.693.652.822
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang (b)	60.819.086.961	49.232.313.804
Cộng	115.510.141.605	99.925.966.626

(a) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng số 0001-018-01/HĐTĐ ngày 15 tháng 7 năm 2010; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,299,000 USD; mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50%; thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi và theo sự chỉ đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ theo lãi suất tiết kiệm USD trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn USD của bên A trong từng thời kỳ; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTĐA/BG ngày 15 tháng 7 năm 2010; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,478,822 USD (trong đó: khoản vay 1: 3,561,428 USD; khoản vay 2: 917,394 USD); mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn /năm nồng độ 50%; thời hạn vay: thời hạn vay khoản vay 1 là 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn vay khoản vay 2 là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng 3%/năm; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân tích	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	56.000.000.000	(8.575.359.135)	3.610.861.000	1.203.620.000	1.585.872.887	53.824.994.752
Tăng trong năm	-	-	475.762.000	158.587.000	131.091.138	765.440.138
Phân phối lợi nhuận năm trước			475.762.000	158.587.000		634.349.000
Lãi năm trước					131.091.138	131.091.138
Giảm nguồn vốn	-	155.563.679	-	-	1.585.872.887	1.741.436.566
Trả cổ tức					713.641.887	713.641.887
Phân phối lợi nhuận năm					872.231.000	872.231.000
Giảm khác		155.563.679				155.563.679
Số dư tại 31/12/2012	56.000.000.000	(8.730.922.814)	4.086.623.000	1.362.207.000	131.091.138	52.848.998.324
Số dư tại 01/01/2013	56.000.000.000	(8.730.922.814)	4.086.623.000	1.362.207.000	131.091.138	52.848.998.324
Tăng trong năm	28.000.000.000	-	39.327.000	13.109.000	(5.898.895.313)	22.153.540.687
Tăng vốn năm nay	28.000.000.000					28.000.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay			39.327.000	13.109.000		52.436.000
Lãi năm nay					(5.898.895.313)	(5.898.895.313)
Giảm trong năm	-	(8.730.922.814)	-	-	131.091.138	(8.599.831.676)
Cổ tức phải trả					52.437.138	52.437.138
Trích quỹ dự phòng tài chính					13.109.000	13.109.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển					39.327.000	39.327.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					26.218.000	26.218.000
Kết chuyển sang chi phí trả trước		(8.730.922.814)				(8.730.922.814)
Số dư tại 31/12/2013	84.000.000.000	-	4.125.950.000	1.375.316.000	(5.898.895.313)	83.602.370.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

13b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước (*)	54.230.000.000	28.560.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	29.770.000.000	27.440.000.000
Cộng	84.000.000.000	56.000.000.000

(*) Là phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	56.000.000.000	56.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	28.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	84.000.000.000	56.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.974.059.738	-

13d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	5.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	5.600.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

13e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 21/05/2013 quyết định lợi nhuận để lại để chia cổ tức năm 2012 là 52.437.138 đồng. Trong năm đơn vị chưa có Thông báo về việc chia cổ tức cho cổ đông..

13f. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	4.125.950.000	4.086.623.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.375.316.000	1.362.207.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	61.017.714.569	32.997.589.458
Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.605.083	46.370.601
Cộng	61.136.319.652	33.043.960.059

14. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần	61.136.319.652	33.043.960.059
Cộng	61.136.319.652	33.043.960.059

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng đã bán	54.210.052.218	32.777.469.631
Cộng	54.210.052.218	32.777.469.631

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.821.672	130.859.047
Cộng	115.821.672	130.859.047

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	6.687.279.157	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.369.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	979.426.450	-
Cộng	7.672.074.607	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	42.617.989
Cộng	-	42.617.989

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.898.895.313)	173.709.127
+ Các khoản điều chỉnh tăng	249.029.099	69.822.235
- <i>Phạt thuế</i>	20.895.398	
- <i>Thu nhập HĐQT không tham gia trực tiếp điều h</i>	66.800.000	69.600.000
- <i>Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập</i>	161.333.701	222.235
Tổng thu nhập chịu thuế	(5.649.866.214)	243.531.362
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	60.882.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm		18.264.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	42.617.989

19. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(5.898.895.313)	131.091.138
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(5.898.895.313)	131.091.138
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.995.227	5.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(984)	23

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.368.417.938	175.911.269
Chi phí nhân công	3.597.518.750	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.794.899.453	280.367.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.180.315.993	23.436.364
Chi phí khác bằng tiền	424.577.483	19.000.000
Cộng	25.365.729.617	498.714.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***21. THÔNG TIN KHÁC.****Công cụ tài chính***Các loại công cụ tài chính của Công ty*

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.031.034.319		9.640.306.056	
Phải thu khách hàng	3.045.306.605	-	221.430.266	-
Các khoản phải thu khác	174.347.000		134.185.655	
Cộng	23.250.687.924	-	9.995.921.977	-

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
<i>Nợ phải trả tài chính</i>				
Vay và nợ	133.393.789.266		140.930.475.381	
Phải trả người bán	11.949.227.726		15.123.485.983	
Chi phí phải trả	427.805.607		-	
Các khoản phải trả khác	1.148.047.537		3.865.598.084	
Cộng	146.918.870.136		159.919.559.448	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2013	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	17.883.647.661	115.510.141.605		133.393.789.266
Phải trả người bán	11.949.227.726			11.949.227.726
Chi phí phải trả	427.805.607			427.805.607
Các khoản phải trả khác	1.148.047.537			1.148.047.537
Cộng	31.408.728.531	115.510.141.605	-	146.918.870.136
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	41.004.508.755	99.925.966.626		140.930.475.381
Phải trả người bán	15.123.485.983			15.123.485.983
Chi phí phải trả	-			-
Các khoản phải trả khác	3.865.598.084			3.865.598.084
Cộng	59.993.592.822	99.925.966.626	-	159.919.559.448

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch mua hàng hóa dịch vụ và có số dư chủ yếu như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất GD	Năm 2013	31/12/2013
			VND	VND
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Công ty mẹ	Mua HH, DV	42.221.664.603	4.367.724.702
- Công ty Cổ Phần XNK Hà Anh	Cổ đồng sáng lập	Mua HH, DV	6.171.428.571	

Những khoản nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC.



Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2014

(Signature)

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

(Signature)

Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu